

PHẬT NÓI KINH TRÌ MINH TẶNG DU GIÀ ĐẠI GIÁO
TÔN NA BỒ TÁT ĐẠI MINH THÀNH TỰU NGHI QUỸ
QUYỀN THỨ TƯ

Long Thọ Bồ Tát lược trích từ TRÌ MINH TẶNG

Hán dịch: Tây Thiên Dịch Kinh Tam Tạng_ Triều Tán Đại Phu Thí Quang
Lộc Khanh_ Minh Giáo Đại Sư (kẻ bày tôi là) PHÁP HIỀN phụng chiếu dịch
Phục hồi Phạm Chú và Việt dịch: HUYỀN THANH

PHÁP TRÌ TỤNG CỦA TÔN NA
PHẦN THỨ SÁU (Chi hai)

Tiếp lại kết **Như Lai Bộ Tam Muội Ấn**. Hai tay nắm quyền duỗi ngón cái thì thành Ấn. Tùy theo Ấn tụng **Như Lai Bộ Tam Muội Minh** lúc trước để tự ứng hộ.

Tiếp kết **Tôn Na Bồ Tát Căn Bản Ấn**. Hai tay nắm quyền, hai ngón giữa như cây kim, đặt hai ngón trở ở lóng ngón giữa, để hai ngón cái bên cạnh ngón trở rồi đặt trên đỉnh đầu thì thành Ấn. Lúc kết Ấn này thời tụng **Tôn Na Bồ Tát Căn Bản Đại Minh** rồi ở ngay thân của mình làm đại ứng hộ. Hành Nhân vào lúc kết Ấn tụng Minh sẽ được Tôn Na Bồ Tát vui vẻ nhìn ngó.

Tiếp kết **Đầu Ấn**: Chắp hai tay lại, co hai ngón cái vào trong lòng bàn tay thì thành Ấn. Tùy theo Ấn tụng **Đầu Đại Minh** là:

“Ấn, tôn, hột-ly (1)”

ॐ बुद्ध

OM _ CUN HRĪḤ

Tiếp kết **Đỉnh Ấn**: Dùng Ấn lúc trước, sửa ngón cái phải vịn lóng giữa của ngón giữa phải thì thành Ấn. Tùy theo Ấn tụng **Đỉnh Đại Minh** là:

“Ấn, tôn, hồng (1)”

ॐ बुद्ध

OM _ CUN HŪḤ

Tiếp kết **Tâm Ấn**: Hai tay nắm quyền, hơi duỗi hai ngón trở thì thành Ấn. Tùy theo Ấn, tụng **Tâm Đại Minh** là:

“Ấn, Tôn, phát tra (1)”

ॐ बुद्ध

OM _ CUN PHAT

Tiếp kết **Giáp Trụ Ấn**: Dùng Đỉnh Ấn lúc trước, lại bung hai bàn tay thì thành Ấn. Tùy theo Ấn, tụng **Giáp Trụ Đại Minh** là:

“Ấn, tôn, mãn đà (1)”

ॐ बुद्ध

OM _ CUN BANDHA

Tiếp kết **Bản Bộ Mẫu Ấn** cũng gọi là **Phật Nhân Ấn**. Chắp hai tay lại đỉnh lễ, co hai ngón trỏ vịn lóng ngón giữa, co hai ngón cái vào bên trong lòng bàn tay thì thành Ấn. Tùy theo Ấn, tụng **Cam Lộ Quân Trà Lợi Đại Minh** lúc trước

Tiếp kết **Bản Bộ Tôn Ấn**. Đưa hai ngón vô danh vào lòng bàn tay lay động. Tiếp để hai ngón giữa như cây kim, duỗi thẳng hai ngón trỏ đặt ở lưng ngón giữa, duỗi hai ngón cái đặt ở lóng thứ nhất của ngón giữa thì thành Ấn. Tùy theo Ấn, tụng **Bản Bộ Đại Minh** là:

“**Năng mạc tam mãn đa (1) một đà nam (2) Câu la hột-ly (3) câu la hột-ly na dā (4)**”

ॐ नमः समन्त बुद्धैः कुल ह्रीः कुल हृदये

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM _ KULA HRĪḤ _ KULA HRDAYA

Tụng Minh này xong. Lấy cái bát thật sạch chứa đầy nước thơm. Lại dùng **Cam Lộ Quân Trà Lợi Đại Minh** bảy biến, ở Đạo Trường bắt đầu từ góc Đông Bắc rảy tịnh bốn phương với Phát Khiển Ma Chướng

Tiếp kết **Thỉnh Triệu Ấn**. Dùng Căn Bản Ấn lúc trước, sửa hai ngón cái, co như móc câu thì thành Ấn. Dùng Ấn này Thỉnh Triệu Hiền Thánh. Tùy theo Ấn, tụng **Thỉnh Triệu Đại Minh** là:

“**I hứ, bà nga phộc đề (1) tôn na đà la ni (2) A nga tha (3) a nga tha (4) ma ma, bạc cật đát-dā (5) đát, tam ma duệ năng tá lý-già (6) bát la đế thế nan (7) bát-la tế na di (8)**”

ॐ इह नगवदे बुद्धे नमः अगच्छा अगच्छा ममा पक्षयत्त समये इति मधु पुरीकं पुरीकं

EHI BHAGAVATI CUṆDHE-DHĀRAṆI _ AGACCHA AGACCHA MAMA PAKṢĀYATĀ SAMAYE DAŚA-ĀRGHA PRATĪCCHANĀM PRATĪCCHA ME

Tụng Minh này xong. Tưởng các Hiền Thánh tùy theo lời Triệu đi đến. Liền tụng **Cam Lộ Quân Trà Lợi** an trú Hiền Thánh xong.

Tiếp kết **Tam Muội Ấn** với tụng **Hiền Hiền Thánh Tòa Đại Minh**. Tam Muội Ấn là: Tay phải đem ngón cái đè móng ngón trỏ, các ngón còn lại như tướng Kim Cương thì thành Ấn. Tùy theo Ấn, tụng **Tam Muội Đại Minh** là:

“**Án, thương yết lý, tam ma duệ, sa-phộc hạ (1)**”

ॐ संकरे समये हृदये

OM _ SAMKARE SAMAYE _ SVĀHĀ

Tụng Minh này xong, Hành Nhân liền nói: “*Nguyện xin Bồ Tát ngồi ở Tòa này xong, an trú Đạo Trường, nhận sự cúng dường của con*”

Tiếp tụng **Bản Bộ Đại Minh** bảy biến gia trì vào nước thơm dùng làm Át Già. Tụng **Bản Bộ Đại Minh** là:

“**Án, tả lệ (1) tổ lệ (2) tôn nĩ (3) A lý-già bà nga phộc đề (4) bát la đế tha, sa-phộc hạ (5)**”

ॐ त्रले त्रले बुद्ध मधु नगवदे पुरीकं हृदये

OM _ CALE CULE CUṆDHE ĀRGHA BHAGAVATI PRATĪCCHA _ SVĀHĀ

Tiếp kết **Căn Bản Ấn**. Mật kết hai ngón cái, duỗi thẳng đặt ngang bằng thì thành Ấn với tưng Đại Minh ba biển gia trì vào nước Át Già lúc trước. Sau đó hướng mặt về phương Đông, quỳ gối dâng hiến Hiền Thánh. Đại Minh là:

“**Ấn, Ca ma la, sa-phộc hạ (1)**”

ॐ कमलसुन्दर

OM_KAMALA_SVĀHĀ

Hiến Át Già xong, lại dùng **Cam Lộ Quân Trà Lợi Ấn** với tưng **Cam Lộ Quân Trà Lợi Đại Minh** kết **Kim Cương Giới** (Vajra-dhātu) để làm ủng hộ.

Tiếp kết **Thập Phương Giới**. Hai bàn tay kèm song song nhau. Trước tiên đem ngón giữa phải, ngón vô danh phải với ngón trở trái đặt ở lóng thứ nhất của ngón út trái. Lại đem ngón giữa trái, ngón vô danh trái với ngón trở phải đặt ở lóng thứ nhất của ngón út phải. Ngón trở, ngón út còn lại như cây kim. Lại đem ngón cái đặt ở lóng thứ nhất của ngón trở thì thành Ấn. Lúc kết Ấn này, tùy theo Ấn tưng **Kết Thập Phương Kim Cương Giới Đại Minh** là:

‘**La đát-năng, phộc nhật-la năng để (1) Ấn, sa la (2) sa la (3) phộc nhật-la, bát-la ca la, hồng, phát tra, sa-phộc hạ (4)**”

ॐ वज्रसंक्रान्तिं सरसं वज्रधरं हं ह्रं सुन्दर

RATNA-VAJRA-NĀDI_OM SARA SARA_VAJRA PRAKARA HŪM PHAT_SVĀHĀ

Tiếp kết **Kim Cương Bán Nhạ La Ấn**. Liên dùng Ấn lúc trước, tách ngón cái ra thì thành Ấn. Tùy theo Ấn, tưng **Bán Nhạ La Đại Minh** là:

“**La đát-năng phộc nhật-la năng để (1) Ấn, vĩ sa-phổ la (2) lạc khát-xoa, phộc nhật-la bá la (3) hồng, phát tra (4)**”

ॐ वज्रसंक्रान्तिं विष्णुं वज्रधरं वज्रचक्रं हं ह्रं सुन्दर

RATNA-VAJRA-NĀDI_OM_VISPHURAD RAKṢA_VAJRA-PAMJALA HŪM PHAT

Tiếp kết **Hạ Phương Kết Giới Ấn**: Dùng Ấn lúc trước, sửa hai ngón cái, thẳng xuống bên dưới như cây kim thì thành Ấn. Tùy theo Ấn, tưng **Kết Hạ Phương Giới Đại Minh** là:

“**La đát-năng phộc nhật-la năng để (1) Ấn, chỉ lý (2) chỉ lý (3) phộc nhật-la, phộc nhật-lý, bộ, văn đật nễ (5) hồng, phát tra (6)**”

ॐ वज्रसंक्रान्तिं क्लिबं वज्रधरं सुर्वं हं ह्रं सुन्दर

RATNA-VAJRA-NĀDI_OM_KĪLIKĪLA-VAJRA_VAJRĪ BHUR BANDHANI HŪM PHAT

Tiếp kết **Đại Ô Sắt Nị Sa Ấn**. Hai tay kèm song song nhau. Co hai ngón vô danh vào lòng bàn tay, hai ngón giữa như cây kim đặt ở lóng thứ ba của hai ngón cái. Lại để ngón cái, ngón vô danh như cây kim, đem ngón út đè lóng thứ ba. Lại để ngón út như cây kim đặt ở ngón trở như tướng Kim Cương thì thành Ấn. Tùy theo Ấn, tưng **Ô Sắt Nị Sa Đại Minh** là:

“**Ấn, thương yết-lý (1) ma hạ tam ma duệ, sa-phộc hạ (2)**”

ॐ संकरं मज्जसमये सुन्दर

OM_SAMKARE MAHĀ-SAMAYE_SVĀHĀ

Dùng Ấn với Đại Minh của nhóm như vậy tác **Kết Giới** xong. Hành Nhân hướng về Bản Tôn, Hiền Thánh cung kính làm lễ.

Tiếp kết **Căn Bản Ấn**. Co lỏng giữa của hai ngón cái thì thành Ấn. Kết Ấn này, tụng Đại Minh, quỳ gối hiến Át Già dùng rưới tắm Hiền Thánh. Đại Minh là:

“**Ấn, tả, sa-phộc hạ (1)**”

ॐ व सूह

OM _ CA _ SVĀHĀ

Tiếp kết **Đồ Hương Ấn**. Đem ngón cái phải đặt ở lỏng thứ nhất của ngón trỏ phải, lại bung duỗi rộng thì thành Ấn. Kết Ấn này, tụng **Đồ Hương Đại Minh** là:

“**Ấn, tôn, sa-phộc hạ (1)**”

ॐ व र सूह

OM _ CUN _ SVĀHĀ

Tiếp kết **Hoa Ấn**. Tay phải đem ngón cái và lỏng thứ nhất của ngón trỏ cùng vịn nhau thì thành Ấn. Dùng Ấn này hiến hoa, tụng **Hoa Đại Minh** là:

“**Ấn, tôn, sa-phộc hạ (1)**”

ॐ व र सूह

OM _ CUN _ SVĀHĀ

Tiếp kết **Hương Ấn**. Đem ngón giữa và ngón cái của tay phải cùng vịn nhau thì thành Ấn. Dùng Ấn này hiến hương đốt, tụng **Hương Đại Minh** là:

“**Ấn, lệ, sa-phộc hạ (1)**”

ॐ र सूह

OM _ LE _ SVĀHĀ

Tiếp kết **Đăng Ấn**. Tay trái đem ngón cái đè lỏng của ngón giữa thì thành Ấn. Kết Ấn này, tụng **Hiến Đăng Đại Minh** là:

“**Ấn, nĩ, sa-phộc hạ (1)**”

ॐ ढ सूह

OM _ DHE _ SVĀHĀ

Tiếp kết **Xuất Sinh Ấn**. Tay trái đem ngón cái đặt ở lỏng thứ nhất của ngón giữa thì thành Ấn. Kết Ấn này hiến thức ăn. Tụng **Hiến Thực Đại Minh** là:

“**Ấn, Tổ, sa-phộc hạ (1)**”

ॐ व सूह

OM _ CU _ SVĀHĀ

Như vậy kết Ấn, tụng Minh làm mọi thứ cúng dường phụng hiến tất cả Hiền Thánh trong Mạn Noa La xong.

Lại tác quán tưởng: “*Trong tất cả Thế Gian có bao nhiêu thứ vật cúng dường được nhìn thấy, nghe thấy, Hành Nhân vận Tâm đem cúng dường tất cả Hiền Thánh ở mười phương*”

Lại kết **Phổ Cúng Dường Ấn**. Trước tiên chấp tay đỉnh lễ xong, lại đem mười ngón tay cùng giao nhau thì thành Ấn. Tùy theo Ấn, tụng **Phổ Cúng Dường Đại Minh** là:

“**Năng mạc tát lý-phộc một đà (1) mạo địa tát đỏa nam (2) Tát lý-phộc tha (3) ô nột-nga đế, sa-bà la hứ hàm (4) nga nga năng kiếm, sa-phộc hạ (5)**”

ॐ नमो सर्व बुद्ध बोधि सत्त्वानाम
सर्वथा खम उदगते स्फारा हिमाम गगनाकाम_

NAMAḤ SARVA BUDDHA BODHI-SATVĀNĀM
SARVATHĀ KHAṀ UDGATE SPHARA HĪMAM GAGANAKAM_
SVĀHĀ

Như vậy cúng dường khắp xong.

Tiếp dùng Kệ ca ngợi Tam Bảo với nhóm Quán Tự Tại, Kim Cương Thủ Bồ Tát.

Ca ngợi Phật là:

Đức Phật Đại Từ Bi

Điều phục các Hữu Tình

Trú biên Công Đức Phước

Vì thế con tán lễ

Ca ngợi Pháp là:

Lìa dục, vui vắng lặng (tịch tĩnh)

Hay đoạn các nẻo ác

Thuần một Lý Chân Như

Vì thế con tán lễ

Ca ngợi Tăng là:

Bền chắc giữ Thi La (Śīla: Giới Thanh Lương)

Chứng được Đạo Giải Thoát

Trú cõi Công Đức lớn

Vì thế con tán lễ

Ca ngợi chư Hiền Thánh là:

“**Đát tông nĩ vĩ, tấp bát-đa nhạ năng, câu chi, la tỳ bát-la dụ nga**

Nại dã sa-đa, nại-dã tha bát na dục đế năng, tả lệ tổ lệ năng

Dục cật đa ma thí sa nột lý đa, bát-la xá ma dã, tôn nễ

Toa hạ phộc đế, tam ma la, đế đát tả câu đố vĩ bát đế

Tát lý-phộc một đà-duệ, bát-la thiết sa dã, tam bột-lý đá dã, ngu ni lý ngu lỗ

A phộc lộ cật đa tắc nghê-dã, dã năng mô nĩnh đát-dã, ma hạ đát-ma nễ

Ma hạ ma la dã, tán noa dã, vĩ nễ-dã la nhạ dã, sa đạt phệ

Nột lý-nan đa ma ca dã, thất-tả năng ma tát-đế, phộc nhậ-la bá noa duệ”

Lại nữa Hành Nhân tán thán như vậy xong. Lại nói lời Sám Hối là: “*Đệ Tử (họ tên....) từ vô thủy cho đến nay, ở trong Luân Hồi tạo nghiệp chẳng lành, hoặc tự làm hoặc dạy người làm cho đến thấy nghe đều tùy vui với tất cả sự Bất Thiện. Nay đối trước Tam Bảo xin phát lộ sám hối. Từ nay trở đi, con xin phụng trì Cẩm Giới chẳng dám làm điều ác nữa. Lại từ nay trở đi đối với hết thấy các Đại Bồ Tát, Duyên Giác, Thanh Văn cho đến tất cả chúng sinh đã làm Pháp Lành thì con đều tùy vui”*

Nói xong liền kết **Căn Bản Ân**, tụng **Căn Bản Minh** ba biến. Hành Nhân lại chấp tay bạch rằng: “*Con (họ tên....) đã mời chư vị đến để cúng dường. Nếu chẳng*

trước tiên kết **Sổ Châu Ân**, co lỏng giữa của ngón vô danh , ngón trở cùng vịn lỏng giữa của ngón giữa thì thành Ân. Tùy theo Ân, tụng Đại Minh là:

“**Ân, át nốt-bộ đế (1) vĩ nhạ duệ (2) tất đề (3) tất đà lý-thế, sa-phộc hạ (4)**”

ॐ अ नु त विसृज्य सिद्धि सिद्धा अर्थे स्वहा

OM _ ADBHUTE VIJAYE SIDDHI SIDDHA ARTHE _ SVĀHĀ

Tụng Minh này xong. Liền chấp hai tay lại nâng tràng hạt, tụng Đại Minh bảy biến gia trì tràng hạt đó. Đại Minh là:

“**Ân, nãng mô bà nga phộc đế (1) tất đề (2) sa đạt dã (3) sa đạt dã (4) tát lý-phộc lý-tha, sa đạt nễ (5) tất đà lý-thế, sa-phộc hạ (6)**”

ॐ नम नगव न सिद्धि सव य सव य स कथ सव न सिद्धि सव न

OM NAMO BHAGAVATE _ SIDDHI-SĀDHAYA SĀDHAYA _ SARVA ARTHA-SĀDHANE SIDDHA-ARTHE _ SVĀHĀ

Tụng Minh này xong. Liền cầm tràng hạt đỉnh lễ Tam Bảo, Hiền thánh sau đó y theo Pháp trì tụng đầy đủ ký số.

Lại tụng **Phật Nhân Đại Minh** bảy biến, kết Căn Bản Ân, lại tụng Phật Nhân Minh ba biến hiển Át Già cho Hiền Thánh. Lại bạch rằng: “*Nay con đem hết sự Trì Tụng này phụng hiến lên Bồ Tát với hiến hương, hoa, đèn, dầu thơm... để làm cúng dường*”

Tiếp lại dùng Phật Nhân Đại Minh đề tự Ủng Hộ và Kết Giới

Tiếp dùng **A Tam Hàm Nghĩ Nễ Ân** (Asamāṃgni-mudra) hộ năm nơi trên thân. **A Tam Hàm Nghĩ Nễ Ân**: Hai bàn tay kèm song song nhau, đảo ngược đầu hai ngón vô danh vào trong lòng bàn tay; hai ngón giữa và hai ngón út như cây kim. Lại ngón trở như cây kim đặt bên cạnh hai ngón cái thẳng xuống dưới và đưa hai ngón vô danh vào lòng bàn tay thì thành Ân. Tùy theo Ân, tụng **A Tam Hàm Nghĩ Nễ Đại Minh** là:

“**Ân, a tam hàm nghĩ-nễ, vĩ la (1) nại duệ đế (2) hồng, phát tra, sa-phộc hạ (3)**”

ॐ असमं गी र सव न हू रुद्र सव न

OM _ ASAMĀṢGNI VĪRA DAYETE HŪM PHAT_ SVĀHĀ

Tiếp kết Căn Bản Ân và tụng Đại Minh dùng đề **Phát Khiển**, Tướng Ân như trước. Đại Minh là:

“**Nga tha đế (1) cật-ly hệ đát-phệ hàm (2) hiển đường, bổ sất-bán (3) độ bán, mặt lãng (4) bát-la nỉ bán tả (5) lạc khật-xoa, bát-la đế hạ đa (6) phộc la bát-la cật-la di, sa-phộc hạ (7)**”

नक ग सिद्धि ल व स न सव य सु स सव य स वी प र क य र न न व र स य स सव न

GACCHATI AGRI HĪTVE MĀM GANDHĀM PUṢPĀM DHŪPĀM MĀLĀM PRADĪPTA RAKṢA APARATIHATA VARA PRAGRA ME SVĀHĀ

Như vậy **Phát Khiển** xong.

Lại cầm tràng hạt hương về trái tim làm Ủng Hộ. Lại kết Cam Lộ Quân Trà Lợi Ân mà tự ủng hộ xong. Sau đó đỉnh lễ chư Phật Bồ Tát rồi đứng dậy ra khỏi Đạo Trường. Chỉ được đọc Kinh Đại Thừa Phương Quảng, Hoa Nghiêm và Phật Mẫu Bát Nhã Ba La Mật Đa. Hoặc xoa tồ Mạn Noa La với làm Tháp Tượng, chẳng được nói chuyện Thế Tục với sách vở Thế Gian. Đây là Nghi Thức bình thường (Hằng Thức).

Lúc Hành Nhân ăn thời luôn dùng Tôn Na Bồ Tát Căn Bản Đại Minh gia trì xong, sau đó có thể ăn.

Hoặc lúc ngủ nghỉ cũng tụng Căn Bản Đại Minh làm ủng hộ xong liền có thể ngủ nghỉ. Căn Bản Đại Minh là:

“**Năng mặc tam mãn đa (1) một đà nam (2) An, phộc lan na nĩ (3) đế nhạ-du , ma lý nễ, sa-phộc hạ (4)**”

ॐ ऎं दं नं दं नं नं नं नं नं नं नं नं नं

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM_ OM _ BALIṀ DADE TEJE-MĀLINI _ SVĀHĀ

Tiếp lại tuyên nói Pháp **Quán Tướng chữ vi diệu của Phật và Hiền Thánh**. Chữ này đều là căn bản của chư Phật, Hiền Thánh biểu thị cho **Lý Chân Thật** cho đến **Vô Tướng Trì Tụng** với Pháp của bốn loại thuộc nhóm Tứ Tai đều được diễn nói trong Pháp của Tôn Na. Nếu Hành Nhân tác Pháp Tứ Tai, Tăng Ích, Kính Ái, Giáng Phục... đối với các Pháp này cần phải mỗi một như **Nghi** biết rõ

Nay sẽ lược nói về **chữ Vi Diệu**. Ở trong Mạn Noa La an bày 9 vị trí theo thứ tự là:

Thứ nhất ở góc Đông Bắc đặt chữ **ÁN** (OM - ॐ). Thứ hai ở góc Đông Nam đặt chữ **TẢ** (CA - ऎ). Tiếp chữ **LỆ** (LE - ऌ). Tiếp chữ **TỐT** (CU - ऑ). Như vậy an 4 góc xong. Tiếp ở vị trí trung ương đặt chữ **TÔN** (CUṆ - ऒ). Tiếp đặt chữ **LỆ** (LE - ऌ). Tiếp đặt chữ **NỈ** (DHE - ण). Tiếp đặt chữ **TOA** (SVĀ - ऋ). Tiếp đặt chữ **HA** (HĀ - ड).
Chín chữ này tức là Căn Bản Đại Minh, thành 9 vị Hiền Thánh..

Lại nữa chữ **ÁN** (ॐ-OM) là Pháp Giới Vô Tướng

Chữ **TẢ** (ऎ-CA) là Đại Luân

Chữ **LỆ** (ऌ-LE) là Bất Động Tôn

Chữ **TỐT** (ऑ-CU) là Quán Tự Tại

Chữ **LỆ** (ऌ-LE) là Bất Không Quyển Sách Bồ Tát

Chữ **TÔN** (ऒ-CUṆ) là Tôn Na Bồ Tát

Chữ **NỈ** (ण-DHE) là Kim Cương Thủ Bồ Tát

Chữ **TOA** (ठ-SVĀ) là Y Ca Nhạ Tra Bồ Tát

Chữ **HA** (ड-HĀ) là Phộc Nhật La Năng Khế Bồ Tát.

Chữ **Vi Diệu** của nhóm như vậy ở tất cả Đại Minh.

Nếu đem chữ **ÁN** làm đầu thì hay thành tựu tất cả Pháp

Nếu chữ **Tả** thì đối với ba Pháp Tứ Tai, Tăng Ích, Giáng Phục có thể lực lớn.

Chữ **Lệ** hay phá hoại **Thiết Đốt Lỗ** (Śatṛū: Oan Gia) cùng làm Pháp Phát Khiển với Pháp ủng hộ sẽ có công lực cực lớn

Chữ **Tốt** hay làm phá hoại với đánh tan quân địch như **Kim Xí Diệu** (Garuḍa) hay ăn loài **Rồng** (Nāga)

Chữ **Lệ** hay phá các đại ác có lực tối thắng

Chữ **Tôn** hay thành tựu tất cả việc, hay phá các cấm phộc kiên cố

Chữ **Nỉ** hay phá các Ma ác với các đại ác , cũng hay làm Pháp **Nhập Ngụ**

Chữ **Toa** hay tự ủng hộ với hay phá oán, cũng hay khiến làm Pháp **Bát Nhập Ngụ** (?)

Chữ **Ha** hay trừ đại độc với tất cả bệnh.

Chữ của nhóm như vậy giống **Bát Chính Đạo** hay khiến cho Hữu Tình giải thoát luân hồi, sau đó được Tịch Diệt.

Lại nữa Hành Nhân quán tướng chữ Vi Diệu như vậy ở thân phần của mình, mỗi mỗi hiện rõ trước mặt, Hoặc biến sắc tướng hoặc biến hình nghi. Nếu được hiện rõ như vậy trước mặt thì hay diệt được tất cả tội nghiệp trong thân, đoạn trừ phiền não.

Khởi đầu trong chữ **ÁN** (𑖀) hiện trên đầu có màu hoàng kim (vàng chóa)

Tiếp tướng chữ **TÁ** (𑖁) hiện ở hai con mắt cũng có màu vàng ròng

Tiếp tướng chữ **LỆ** (𑖂) hiện ở trên cổ có màu đen đậm.

Tiếp tướng chữ **TỐT** (𑖃) hiện ở lỗ rốn như màu sen hồng hoặc màu xanh đậm. Nơi hiện màu ấy tùy theo Pháp làm.

Tiếp tướng chữ **LỆ** (𑖂) hiện ở hai cánh tay hóa thành Tượng Hiền Thánh hoặc có màu vàng ròng hoặc có màu đỏ.

Tiếp tướng chữ **TÔN** (𑖄) hiện ở trên trái tim biến thành Tôn Na Bồ Tát có thân màu trắng.

Tướng chữ **NỈ** (𑖅) hiện ở hai bắp đùi

Tướng chữ **TOA** (𑖆) hiện ở hai bắp chuối chân

Tướng chữ **HẠ** (𑖇) hiện ở hai bàn chân

Tướng chữ như vậy ở trên thân phần của mình, mỗi mỗi hiện rõ trước mặt. Được hiện rõ trước mặt xong thì cắt đứt các phiền não, diệt tất cả tội cho đến hay khiến cho Nội Tâm sáng tỏ tinh khiết như tướng bụi che tùy theo phát phủi mà trong sạch, tinh tiến. Chư Thiên thấy đều kính yêu.

Lại nữa tướng chữ Vi Diệu biến thành **Bản Vị Hiền Thánh**.

Quán chữ thành bản thân **Tôn Na Bồ Tát** có thân màu trắng, mặt có ba mắt, có 18 cánh tay và toàn thân rực lửa, ngồi trên hoa sen trắng và ở trong thân hay sinh ra chư Phật.

Nếu quán chữ thành **Đa La Bồ Tát** (Tārā-Bodhisatva) thì thân có màu xanh đậm, hiện tướng phần nộ lộ nanh bén nhọn ra bên ngoài, mặc áo da voi, một tay cầm cây kiếm, một tay cầm đầu lâu chứa đầy máu.

Nếu quán chữ thành **Y Ca Nhạ Tra Bồ Tát** thì bên phải: Tay thứ nhất cầm cây gậy báu, tay thứ hai cầm sợi dây. Bên trái: Tay thứ nhất cầm **Kiệt Trung Nga** (Khadga _ cây đao), tay thứ hai cầm đầu người nhỏ máu.

Nếu quán chữ thành **Phộc Nhật La Năng Khế** thì thân có màu như mặt trăng, hai tay bên phải cầm Kiếm với cây búa (Phủ Việt), hai tay bên trái cầm sợi dây với hoa sen. Vị Phộc Nhật La Năng Khế này là thân sở hóa của **Mã Đầu Minh Vương** (Hayagrīva Vidya-rāja) có uy lực lớn. Nếu bị **Đắc Xoa Ca Long Vương** (Takṣaka Nāga-rāja) làm hại thì tất cả các lực không có thể cứu độ, chỉ có Phộc Nhật La Năng Khế mới có thể cứu tế được thôi. Nếu Hành Nhân dùng ở mọi nơi thì đều được thành tựu như Báu Như Ý, tất cả tùy theo **Tâm**

Lại nữa ở các Đại Minh thêm chữ sử dụng thì mỗi mỗi đều thành tựu Pháp.

Nếu thêm chữ **ÁN** (OM) thì hay tác Cảnh Giác với làm Phát Khiển

Nếu thêm ba chữ **ÁN, LỆ, HỒNG** (OM LE HŪM) thì sức hay chặt cắt

Nếu thêm năm chữ **ÁN, La, HỒNG, Phát tra** (OM RA HŪM PHAT) thì sức hay kinh bố (làm cho sợ hãi) với hay phá hoại cũng hay ủng hộ.

Nếu thêm bốn chữ **Án, Tỏ, năng, mạc** (OM CU NAMAḤ) thì hay thành tựu Pháp Kính Ái

Nếu thêm ba chữ **Án, tỏ, hồng** (OM CU HŪM) thì hay đẩy lui quân địch (Tha Quân)

Nếu thêm bốn chữ **Án, Lệ, phát tra** (OM LE PHATṬ) thì chận đứng được cuộc chiến đấu lớn.

Nếu làm Pháp Tức Tai (Śāntika) dùng Đại Minh này là:

“Án, Tôn, a mẫu yết tả, phiến đĩnh, câu lỗ, sa-phộc hạ (1)”

ॐ वृत्त म्मच प्र निष्ठ कुरु स्वहा

OM CUṆ _ AMOGHAṢYA ŚĀNTIṀ KURU _ SVĀHĀ

Nếu làm Pháp Tăng Ích (Puṣṭika) dùng Đại Minh này là:

“Án, Tôn , a mẫu yết tả, lạc xoa di, câu lỗ, sa-phộc hạ (1)”

ॐ वृत्त म्मच प्र लक्ष्मि कुरु स्वहा

OM CUṆ _ AMOGHAṢYA LAKṢMI KURU _ SVĀHĀ

Nếu làm Pháp Kính Ái (Vaśikaraṇa) dùng Đại Minh này là:

“Án, Tôn, năng mạc (1)”

ॐ वृत्त म्मः

OM _ CUṆ _ NAMAḤ

Nếu vì chận đứng cuộc chiến đấu lớn, dùng Đại Minh này là:

“Án, Tôn ni, hồng, phát tra”

ॐ वृत्त ह्रं कुरु

OM _ CUṆDHE HŪM PHATṬ

Lại làm Pháp Tức Tai, tùy tụng Đại Minh kèm xưng tên người đó, nói việc cần cầu nguyện. Đại Minh là:

“Tả lệ, tỏ lệ, tôn ni. A mẫu yết tả, phiến đĩnh, câu lỗ, sa-phộc hạ (1)”

वृत्त वृत्त वृत्त म्मच प्र निष्ठ कुरु स्वहा

CALE CULE CUṆDHE _ AMOGHAṢYA ŚĀNTIṀ KURU _ SVĀHĀ

Lại làm Pháp Tăng Ích, tùy tụng Đại Minh kèm xưng tên người đó, nói việc cần cầu nguyện. Đại Minh là:

“Án, tả lệ, tỏ lệ, tôn ni, sa-phộc hạ (1)”

ॐ वृत्त वृत्त वृत्त म्मः

OM _ CALE CULE CUṆDHE _ SVĀHĀ

Lại làm Pháp Kính Ái, tùy tụng Đại Minh kèm xưng tên người đó , nói việc cần cầu nguyện. Đại Minh đồng với Pháp Tăng Ích.

Lại làm Pháp Giáng Phục (Abhicāruka). Tùy tụng Đại Minh kèm xưng tên người đó, nói việc cần cầu nguyện. Đại Minh là:

“Năng mạc tả lệ , tỏ lệ, tôn ni. A mẫu yết phộc thi, câu lỗ, sa-phộc hạ (1)”

मम वृत्त वृत्त वृत्त म्मच वसिष्ठ कुरु स्वहा

NAMAḤ CALE CULE CUṆDHE _ AMOGHA VAŚI KURU _ SVĀHĀ

Lại làm Pháp Câu Triệu (Ākarṣaṇi). Tùy tụng Đại Minh là:

“Án, tả lệ, tổ lệ, tôn nĩ. A mẫu yết ma yết lý sa dã, hột-ly (1)”

ॐ ब्रह्म ब्रह्म ब्रह्म अमरचमरुधय ह्रीः

OM CALE CULE CUṄDHE _ AMOGHAM AKARṢĀYA HRĪḤ

Lại Khu Trục (Xua đuôi) Oan Gia. Tùy tụng Đại Minh kèm xưng tên người đó, nói việc cần mong cầu. Đại Minh là:

“Án, Tả lệ, tổ lệ, tôn nĩ. A mẫu yết mẫu tá tra dã, hồng (1)”

ॐ ब्रह्म ब्रह्म ब्रह्म अमरचमरुधय हूं

OM CALE CULE CUṄDHE _ AMOGHAM UCCĀṬĀYA HŪM

Lại có Pháp phá hoại Ma Oán. Đại Minh là:

“Án, tả lệ, tổ lệ, tôn nĩ. A mẫu yết, ma la dã, hồng, phát tra”

ॐ ब्रह्म ब्रह्म ब्रह्म अमरचमरुधय हूं रुद्र

OM CALE CULE CUṄDHE _ AMOGHA MĀRĀYA HŪM PHAT

Lại làm Pháp cực phá hoại Ma Oán. Đại Minh là:

“Án, tả lệ, tổ lệ, tôn nĩ. A diên đa, ma la ni, sa-phộc hạ (1)”

ॐ ब्रह्म ब्रह्म ब्रह्म अरुणमरुधय हूं रुद्र

OM CALE CULE CUṄDHE _ AJITA MĀRĀṆI _ SVĀHĀ

Lại làm Pháp Đại Tức Tai. Tùy tụng Đại Minh kèm xưng việc thành tựu mong cầu ấy. Đại Minh là:

“Án, tả lệ, tổ lệ, tôn nĩ, sa-phộc hạ (1)”

ॐ ब्रह्म ब्रह्म ब्रह्म रुद्र

OM _ CALE CULE CUṄDHE _ SVĀHĀ

Lại làm Pháp Đại Kính Ái. Tùy tụng Đại Minh kèm xưng tên gọi của người ấy, nói việc cần thành tựu. Đại Minh là:

“Năng mặc tả lệ, tổ lệ, tôn nĩ, năng mặc a diên đa, phộc thi duệ, hột-ly (1)”

ॐ नमः ब्रह्म ब्रह्म ब्रह्म नमः अरुणवपुष्य ह्रीः

NAMAḤ CALE CULE CUṄDHE _ NAMAḤ AJITA VAŚĪYE _ HRĪḤ

Lại làm Pháp Đại Câu Triệu. Đại Minh là:

“Tả lệ, tổ lệ, tôn nĩ, hột-ly (1)”

ब्रह्म ब्रह्म ब्रह्म ह्रीः

CALE CULE CUṄDHE _ HRĪḤ

Lại làm Pháp cực hoại (làm hư nát hết) đại oán. Tùy tụng Đại Minh kèm xưng tên của người đó, nói việc cần làm.

“Hồng- Án, tả lệ, tổ lệ, tôn nĩ, hồng_ A diên đồ tả tra (xưng việc...) phát tra, tả lệ, tổ lệ, tôn nĩ, phát tra (1)”

हूं ॐ ब्रह्म ब्रह्म ब्रह्म हूं अरुणवपुष्य रुद्र ब्रह्म ब्रह्म ब्रह्म रुद्र

HŪM _ OM CALE CULE CUṄDHE HŪM _ AJITA UCCĀṬA (xưng việc cần làm.....) PHAT _ CALE CULE CUṄDHE PHAT

Đại Minh của nhóm như vậy, mỗi mỗi đều tùy theo nơi tác Pháp. Xưng nói việc ấy thì không có gì không thành tựu.

Chư Phật đã nói: “*Giáo của Tôn Na Bồ Tát hay thỏa mãn nguyện của tất cả chúng sinh*”.

Dùng **Tụng** ca ngợi rằng:

Nhóm Công Đức Tôn Na

Tâm vắng lặng thường trì

Tất cả các nạn lớn

Không thể phạm người đố

Trên Trời với Thế Gian

Thọ phước ngang bằng Phật

Theo bấu Như Ý ấy

Quyết định không gì hơn

PHẬT NÓI KINH TRÌ MINH TẠNG DU GIÀ ĐẠI GIÁO
TÔN NA BỒ TÁT ĐẠI MINH THÀNH TỰU NGHI QUỶ
QUYÊN THỨ TƯ (Hết)

Hiệu chỉnh xong một Bộ, 4 quyển vào ngày 08/07/2012